

Đề bài

Phân tích bài thơ

**Đi thi tự vịnh**

của Nguyễn

Công Trứ.

## Bài làm

Nguyễn Công Trứ có bút hiệu là Tồn Chất, người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là một nhà trí thức có tài, cuộc đời làm quan của ông dưới triều Nguyễn có nhiều thăng trầm nhưng ông vẫn một lòng vì một quan niệm sống của nhà nho thời phong kiến. Ông để lại cho đời rất nhiều bài thơ Nôm và hát nói cũng như phú. Thơ ông có nhiều chủ đề khác nhau, đặc biệt là nói về chí nam nhi, nợ công danh. Bài thơ *Đi thi tự vịnh* dưới đây là một:

*Đi không há lẽ trở về không  
Cái nợ cầm thư quyết trả xong  
Rắp mượn đèn viên vui tuế nguyệt  
Dở đem thân thể hẹn tang bồng  
Đã mang tiếng ở trong trời đất  
Phải có danh gì với núi sông  
Trong cuộc trần ai, ai dễ biết  
Rời ra mới biết mặt anh hùng.*

Chúng ta phân tích bài thơ trên.

Đây là bài thơ Nôm, thất ngôn bát cú đường luật, nói lên quan niệm của nhà thơ: người con trai phải đỗ đạt để trả cái nợ sách đèn, đem kiến thức học được mà làm những việc to giúp ích cho đời, để lại tiếng tốt với núi sông.

Nhan đề bài thơ *Đi thi tự vịnh*, tác giả nêu lên ý chí của mình khi lều chõng lên đường đi ứng thí. Bài thơ mở đầu:

*Đi không há lẽ trở về không  
Cái nợ cầm thư quyết trả xong*

Phù hợp với *Bảy thước thân nam tử*. Thân thể đã hẹn với tang bồng là đem cuộc đời mình vẫy vùng ngang dọc như có lúc ông đã viết:

*Chí làm trai nam bắc đông tây  
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.*

Nguyễn Công Trứ đã nói là làm, không nói suông. Lịch sử đất nước cũng như văn học đã từng nói đến một Nguyễn Công Trứ. Điều ấy không phủ nhận. Ông đã từng làm quan, đi đánh giặc, làm doanh điền sứ mở rộng đất đai trồng trọt. Có lí thuyết có thực hành, tác giả không ngần ngại đưa vào thơ mình:

*Đã mang tiếng ở trong trời đất  
Phải có danh gì với núi sông.*

Người con trai có một tầm hoạt động rộng rãi ở trong trời đất cho nên phải có tiếng tốt đối với núi sông. Danh mà tác giả đề cập ở đây là công danh, là tiếng thơm, tiếng tốt, tên tuổi của một con người gắn liền với thời

đại. Có lần ông nói: *Không công danh thà nát với cỏ cây*. Trong một bài thơ nói về quan niệm sống của người con trai, tác giả từng khẳng định: *Con người sinh ra sau cùng ai cũng phải chết nhưng phải được lưu tiếng thơm trong sử sách*. Ngày nay trong thành phố ta cũng như nhiều nơi trong nước đều có tên đường Nguyễn Công Trứ. Ở hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải còn có đền thờ của ông hương khói nghi ngút quanh năm. Đó chính là cái danh của Nguyễn Công Trứ. Trong hai câu thực và hai câu luận đều có phép đối nhau gọi là bình đối hay đối ngẫu từng cặp. Tất nhiên không quá gò bó đẽo gọt như Bà Huyện Thanh Quan. Cuối cùng bài thơ kết thúc:

*Trong cuộc trần ai, ai dễ biết  
Rời ra mới biết mặt anh hùng.*

Một lần nữa ta lại thấy tính chất khẳng định ở hai câu thơ đồng thời mang cả một niềm tin tưởng gần như tuyệt đối. *Ai dễ biết... rời ra mới biết* những cụm từ nghe có vẻ thách đố, tác giả nhất định sẽ đỗ đạt sẽ làm nên mặt anh hùng cho mọi người thấy một Nguyễn Công Trứ đang hoạt động trong cuộc trần ai.

Giữa cái từ *đi không*, *về không* nối liền nhau bằng từ *há lẽ* tác giả đã lập luận theo cách phản đề. *Đi không* nghĩa là lúc lên đường chưa có bằng cấp trong tay, lúc trở về thì không thể *trở về không* mà phải là đỗ đạt. Từ *há lẽ* trong câu thơ là để tác giả nhắc nhở mình, tự hỏi mình phải làm gì để có kết quả. Thật khác với Tú Xương. Trong lúc Tú Xương lên đường ứng thí thì cười cợt đùa nhả, không tin tưởng vào thực lực của mình:

*Táp tễnh người đi tớ cũng đi  
Cũng lều cũng chõng cũng vô thi.*

Thì Nguyễn Công Trứ hăm hở quyết liệt hơn, khẳng định: phải trả xong cái nợ đèn sách nghĩa là phải thi đậu. Cụm từ *phải trả xong* thật dứt khoát, có tính kiên quyết không do dự. Tác giả luôn luôn quan niệm rằng người con trai có nợ với đời: nợ đèn sách, bút nghiên. Trong một bài thơ khác ông cũng đề cập đến cái nợ khác là nợ tang bồng.

*Nợ tang bồng vay trả, trả vay.*

Kẻ sĩ thời phong kiến luôn luôn nung nấu một bầu nhiệt huyết, phải thi đậu sao bao nhiêu năm đèn sách miệt mài – Nguyễn Công Trứ lúc còn hàn vi lại càng nung nấu ý chí ấy nhiều hơn nữa.

Bài thơ được viết vào thời trai trẻ, đường gân thớ thịt đang căng tràn nhựa sống. Dù có một chút tiêu cực nhỏ nhỏ muốn làm ẩn sĩ vui thú điền viên, nhưng vốn bản tính bồng bột sôi nổi, ông viết:

*Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt  
Dở đem thân thế hẹn tang bồng*

Hai câu thực này có sử dụng nhiều từ Hán Việt *điền viên, tuế nguyệt, thân thế tang bồng* làm cho câu thơ có vẻ trang trọng hơn. Tác giả muốn vui

thú với cảnh cỏ cây mây nước cho phơi pha ngày tháng. Ý niệm này không đúng với con người tích cực của Nguyễn Công Trứ thời trai trẻ chưa lập được công danh. Huống chi tác giả chỉ *rấp mướt* mà thôi. Vốn là con người hăm hở nên muốn làm một cái gì đó to lớn vĩ đại. Bàng bạc trong bài thơ có tính ngang tàng rất phù hợp với bản chất của Nguyễn Công Trứ đặc biệt là ở hai câu thơ cuối cùng. Có điều ta nên biết Nguyễn Công Trứ đặc luôn luôn lạc quan yêu đời, dấn thân vào mọi hoạt động, tác giả vẫn để lộ cái tôi của mình trong đó.

Bài thơ vừa phân tích trên có một giọng điệu mạnh mẽ, lời thơ rắn rỏi, ngôn ngữ thơ chắc nịch, khẳng định, ý thơ lưu loát trôi chảy một mạch liên tục liền nhau từ đầu đến cuối đã nêu lên một ý chí vững chắc đầy niềm tin tưởng của một con người: phải thi đỗ để lập công danh với đời. Bài thơ đã gọi cho thanh thiếu niên học sinh chúng ta một suy nghĩ: học tốt thi đậu đem kiến thức xây dựng nước nhà. Và không thể bắt chước cái tôi Nguyễn Công Trứ phô trương thách thức mà phải khiêm tốn hơn.